

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 22-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng, ông Y Yáo Bkrông.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 08/7/2025, đối với bị cáo:

Đặng Dùn K, sinh ngày 18/8/2002 tại E, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Buôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Khu vực 5 (E). (*Bị cáo có mặt tại phiên toà*).

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Dùn K: Ông Phùng Văn H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt).

- Bị hại: Cháu Lê Lục Mộng D, sinh ngày 30/4/2008. Nơi cư trú: Buôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Lục Mộng D: Ông Lê Văn T (là bố đẻ). Nơi cư trú: Buôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Lê Lục Mộng D: Bà Nguyễn Thị Bích N1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2023, Đặng Dùn K có quan hệ tình cảm nam nữ với cháu Lê Lục Mộng D. Vào một tối trong tháng 4/2023, K đến nhà cháu D chơi, trong quá trình ngồi chơi, K ôm hôn và sử dụng tay sờ vào ngực của cháu D thì cháu D không chống cự lại. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, K cầm tay dẫn cháu D đi ra bãi đất trống phía hông trái nhà của cháu D. Tại đây, K tiếp tục ôm hôn và sờ vào các bộ phận nhạy cảm của D, D không nói gì và chủ động nằm ngửa trên nền cỏ nên K đã cởi quần của cháu D kéo xuống đến đầu gối và tự cởi quần áo của mình, đồng thời K lấy bao cao su đã chuẩn bị từ trước đeo vào dương vật của mình rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu D. Sau khi thực hiện xong hành vi quan hệ tình dục với cháu D thì K tháo bao cao su vứt đi và tự mặc quần áo của mình rồi đi về nhà, còn cháu D cũng đứng dậy tự mặc quần áo và đi vào nhà ngủ.

Từ khoảng tháng 4/2023 đến tháng 10/2023, K đã nhiều lần đến nhà cháu D chơi và nhiều lần (không nhớ tổng số lần) thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu D tại vị trí phía hông trái nhà của cháu D. Trong những lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu D thì có lần K sử dụng bao cao su, có nhiều lần Kiêm không sử dụng bao cao su nên khi quan hệ tình dục đã xuất tinh vào trong âm đạo của cháu D. Đến khoảng tháng 10/2023, K và cháu D chia tay với nhau.

Ngày 07/4/2024, cháu D đi khám bác sỹ thì phát hiện mình đã có thai được khoảng 32 tuần nên đã gọi điện thoại báo tin cho K biết; tuy nhiên, K không thừa nhận thai nhi trong bụng của cháu D là con của mình. Đến ngày 18/5/2024, cháu D đã sinh ra 01 bé gái và đặt tên là Lê Huyền T. Ngày 08/8/2024, ông Lê Văn T (là bố đẻ của cháu D) đã làm đơn tố cáo K đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu D.

* Vật chứng tạm thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu trắng có mặt khẩu màn hình: 180822, số máy: MQ9L2J/A, số imei: 356737086383947, số seri: FD2ZR2J0JCM6.

- Tại Bản kết luận giám định số: 61/KLTDTE-PY ngày 03/10/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Lê Lục Mộng D có vết rách cũ màng trinh tại vị trí 3 và vị trí 5 giờ, vết rách hoàn toàn, dài đến chân màng trinh, bờ và đáy vết

rách đã hóa sẹo; Sẹo cũ vùng tăng sinh mô (sẹo cắt tăng sinh mô, tương ứng vị trí 7 giờ của màng trinh) kích thước (3 x 0,2)cm.

- Tại Bản kết luận giám định số: 2183/KL-KTHS ngày 22/10/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng, kết luận: Lê Huyền T là con đẻ của Lê Lục Mộng D với Đặng Dùn K.

- Tại Giấy khai sinh do UBND xã E, cấp ngày 10/4/2023 (Bản sao) thể hiện: Cháu Lê Lục Mộng D1 sinh ngày 30/4/2008.

- Tại Bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 7154/KLGĐĐT – C09B ngày 09/12/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh, kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 11 năm 2024) Lê Lục Mộng D có độ tuổi từ 16 năm 9 tháng đến 17 năm 3 tháng.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 27/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk) truy tố bị cáo Đặng Dùn K về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Đắk Lắk thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị Đặng Dùn K về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo: Đặng Dùn K từ 04 năm đến 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/5/2025.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình:

+ Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại cháu Duyên số tiền 40.000.000 đồng.

+ Buộc Đặng Dùn Kiêm phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại cháu Lê Lục Mộng D 40.000.000 đồng.

+ Buộc Đặng Dùn K phải cấp nuôi dưỡng nuôi con chung Lê Huyền T, sinh ngày 18/5/2024 cho cháu Lê Lục Mộng D là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu trắng có mặt khẩu màn hình: 180822, số máy: MQ9L2J/A, số imei: 356737086383947, số seri: FD2ZR2J0JCM6.

- Người bào chữa của bị cáo có ý kiến tranh luận: Hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk đề nghị đối với bị cáo là quá cao. Bởi,

bị cáo với bị hại xảy ra việc quan hệ tình dục là tự nguyện, bị cáo đã bồi thường và đã được gia đình bị hại có đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có tham gia nghĩa vụ quân sự, cư trú nơi có kinh tế khó khăn. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo hưởng dưới khung hình phạt và xem xét mức bồi thường thêm cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có ý kiến tranh luận: Đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát.

- Ý kiến tranh luận của VKS: Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ hành vi dân sự và bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo phải nhận thực được việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người chưa đủ 16 tuổi là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại, bị cáo đã có hành vi quan hệ tình dục với bị hại nhiều lần dẫn đến bị hại có thai và sinh ra cháu Lê Huyền T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường của bị hại và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 03 năm tù đến 10 năm tù; sau khi đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án 04 năm đến 05 tù là phù hợp. Nhận thấy, người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS, cho bị cáo hưởng dưới khung hình phạt là không có căn cứ. Do vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo.

Bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không bị khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. HĐXX có đủ

cơ sở pháp lý kết luận: Từ khoảng tháng 4 năm 2023 đến tháng 10/2023, tại nhà của cháu Lê Lục Mộng D ở buôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Đặng Dùn K là người đủ 18 tuổi đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Lê Lục Mộng D khi Cháu D đã đủ 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi, dẫn đến Cháu D có thai và sinh được 01 con là Lê Huyền T, sinh ngày 18/5/2024. Tất cả những lần quan hệ tình dục này, Cháu D đều tự nguyện, đồng ý. Kết quả giám định, xác định cháu Lê Huyền T là con đẻ của Lê Lục Mộng D với Đặng Dùn K.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường của bị hại, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bởi lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 đối với bị cáo Đặng Dùn K, về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điều 145 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

d) Làm nạn nhân có thai”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ sức khỏe, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của người dưới 16 tuổi là khách thể được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều phải bị xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã bồi thường và khắc phục hậu quả cho hành vi của mình gây ra là 40.000.000 đồng, đã được bị hại và gia đình của bị hại làm đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với việc người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo đã học đến lớp 7/12 và đã đủ 18 tuổi, đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người bình thường, có đủ khả năng nhận thức về hành vi và nhận thức về pháp luật. **Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do lỗi cố ý trực tiếp nên không có căn cứ** để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo.

Đối với việc xem xét mức bồi thường thêm cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con cho bị cáo. HĐXX xét thấy tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng và đồng ý cấp dưỡng nuôi chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc đồng ý bồi thường thêm và cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình:

- Trong quá trình điều tra, bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng là tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại và đã được làm đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện diện hợp pháp của bị hại cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 40.000.000 đồng, gồm các khoản sau đây:

- + Tiền khám thai 02 lần: 400.000 đồng;
- + Tiền thuốc bồi dưỡng thai: 1.000.000 đồng;
- + Tiền xe khi đi sinh: 1.000.000 đồng;
- + Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau khi sinh 02 tháng là: 15.000.000 đồng;
- + Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm nuôi bị hại (02 tháng) là 12.000.000 đồng.
- + Tiền cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2024 đến tháng 7/2025 là 10.600.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng này nên HĐXX cần chấp nhận.

- Đối với việc bị hại yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo và bị hại Lê Lục Mộng D là cháu Lê Huyền T, sinh ngày 18/5/2024 là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bị cáo đồng ý khoản cấp dưỡng này.

Xét thấy, cháu Lê Huyền T đây là con chung của bị cáo và chị Lê Lục Mộng D. Do hiện nay, bị cáo và cháu D không kết hôn và chung sống cùng nhau, cháu D đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên bị cáo K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận việc bị cáo Đặng Dùn K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Huyền T là 2.000.000 đồng/01 tháng cho cháu Lê Lục Mộng D, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu trắng có mặt khảm màn hình: 180822, số máy: MQ9L2J/A, số imei: 356737086383947, số seri: FD2ZR2J0JCM6 là tài sản hợp pháp của bị cáo. Bị cáo không dùng điện thoại này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo Đặng Dùn K là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Dùn K phạm tội: “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đặng Dùn K 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/5/2025.

3. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự:

+ Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại cháu Lê Lục M Duyên số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Đặng Dùn K phải bồi thường thêm cho bị hại Lê Lục Mộng D số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình: Buộc bị cáo Đặng Dùn K phải cấp dưỡng nuôi con Lê Huyền T là 2.000.000 đồng/tháng cho chị Lê Lục Mộng D, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung Lê Huyền T đủ 18 tuổi.

- Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu trắng có mặt khảm màn hình: 180822, số máy: MQ9L2J/A, số imei: 356737086383947, số seri: FD2ZR2J0JCM6.

Đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Đắk Lắk ngày 21/7/2025.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Dùn K là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng hs nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- VKSND Khu vực 7 - Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Khu vực 5 (Ea Kar);
- Phòng THADS Khu vực 7 - Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Cường Anh